

Bản án số: 06/2026/HSST

Ngày: 05 - 02 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đăng và ông Võ Xuân Toàn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Dương Đại Phong, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2026/HSST ngày 07/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HS ngày 13/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2026/QĐ-HSST ngày 29/01/2026 đối với bị cáo: Nguyễn Xuân T, sinh ngày 03/9/1993 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi thường trú: Thôn M, xã C, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T1 và bà Lê Thị D; Vợ Trương Thị T2, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/11/2025 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Như T3, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn M, xã C, tỉnh Quảng Trị, nghề nghiệp: lao động tự do, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Lê Ngọc A, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn M, xã C, tỉnh Quảng Trị, nghề nghiệp: thợ cơ khí, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Nguyễn Ngọc T4; địa chỉ: 1 P, X, Đ, Lâm Đồng, nghề nghiệp: kinh doanh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 45 phút, ngày 30/10/2025, Nguyễn Xuân T ở thôn M, xã C, tỉnh Quảng Trị, điều khiển xe mô tô BKS 49N1-8061 (trong xe có túi đồ nghề) chạy trên Quốc lộ A, khi đến nhà của anh Trần Như T3, sinh năm 1990 ở cùng thôn với T. Lúc này, T thấy anh T3 điều khiển xe ô tô đi ra khỏi nhà nên nảy sinh ý định vào nhà anh T3 để trộm cắp tài sản. T đến tụ điện cắt nguồn điện kết nối vào nhà anh T3, T cắt xe mô tô mở túi đồ nghề lấy 01 máy cắt bằng pin cầm tay, 01 tua vít rồi đi vào cửa chính đến phòng ngủ nhà anh T3 thấy có 01 két sắt. T dùng máy cắt,

cửa kết sắt, dùng tua vít cạy và lấy trộm 10.450.000 đồng, 01 hộp nhựa màu cam, bên trong có 01 nhẫn kim loại màu vàng rồi cầm theo dụng cụ ra lấy xe mô tô về nhà. T đưa máy cắt trả cho anh Lê Ngọc A (T mượn trước đó). Đến chiều cùng ngày thì bị lực lượng Công an phát hiện, tạm giữ công cụ, phương tiện và tang vật.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 10/12/20252025, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự xã C, kết luận: 01 nhẫn vàng, dạng tròn, khối lượng 0,5 chỉ, có giá trị 7.100.000 đồng; kết sắt bị hư hỏng thiệt hại 1.000.000 đồng

** Việc tạm giữ công cụ, phương tiện và tang vật:* Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 xe mô tô BKS 49N1-8061; 01 hộp nhựa màu cam, bên trong có 01 nhẫn kim loại màu vàng; Tiền Ngân hàng N đang lưu hành 10.450.000 đồng; 01 tua vít; 01 kết sắt và 01 máy cắt dùng pin. Tất cả có đặc điểm mô tả như biên bản tạm giữ, đồ vật, tài liệu ngày 30/10/2025 .

** Xử lý vật chứng:* Cơ quan điều tra đã trả lại: Cho chủ sở hữu là anh Trần Như T3: 01 kết sắt; số tiền 10.450.000 đồng, 01 hộp nhựa màu cam, bên trong có 01 nhẫn kim loại màu vàng; trả lại cho anh Lê Ngọc A 01 máy cắt dùng pin theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô BKS 49N1-8061, 01 tua vít tiếp tục tạm giữ, chờ xử lý.

** Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo Nguyễn Xuân T đã tự nguyện giao nộp tài sản đã trộm cắp và bồi thường khắc phục 1.500.000 đồng do kết sắt bị hư hỏng cho gia đình anh Trần Như T3, anh T3 đã nhận tài sản bị mất, tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Bản cáo trạng số 17/CT-VKSNDKV4 ngày 06/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu vàng đen, số máy 5C62-000783, số khung RLCS5C6206Y000783, biển số 49N-8061. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái tua vít đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Xuân T nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân T đã khai nhận tất cả hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Xuất phát từ động cơ háms lợi, ý thức coi thường pháp luật và nhằm mục đích để có tiền tiêu xài cá nhân. Vào khoảng 07 giờ 45 phút, ngày 30/10/2025, Nguyễn Xuân T lợi dụng gia đình anh Trần Như T3 đi vắng đã lén lút vào nhà anh T3 dùng máy cắt, cưa kết sắt, dùng tua vít cạy và lấy trộm 10.450.000 đồng, 01 hộp nhựa màu cam, bên trong có 01 nhẫn kim loại màu vàng rồi cầm theo dụng cụ ra lấy xe mô tô về nhà. T đưa máy cắt trả cho anh Lê Ngọc A (T mượn trước đó).

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 10/12/2025, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xã C, kết luận: 01 nhẫn vàng, dạng tròn, khối lượng 0,5 chỉ, có giá trị 7.100.000 đồng; kết sắt bị hư hỏng thiệt hại 1.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Quảng Trị và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân T: Hành vi phạm tội thuộc lỗi cố ý. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, không chỉ xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân. Vì vậy, phải xử lý hình sự đối với bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người tốt và giáo dục, phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có bố là ông Nguyễn Xuân T1 được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình không có thu nhập ổn định. Tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối cải, nhận thức

đầy đủ về hành vi phạm tội của mình. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần tuyên một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nên phải áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà cũng đủ nghiêm.

[5] Trách nhiệm dân sự: Anh Trần Như T3 đã nhận tài sản bị mất, tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q có thu giữ một số vật chứng của vụ án và đã xử lý đúng quy định của pháp luật. Đối 01 xe mô tô BKS 49N1-8061 bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. 01 tua vít không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với máy cắt dùng pin mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản bị cáo đã mượn của anh Lê Ngọc A. Việc bị cáo sử dụng máy cắt trên làm phương tiện phạm tội, anh Lê Ngọc A không biết nên không phạm tội.

Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo còn có hành vi cố ý làm hư hỏng 01 kết sắt, gây thiệt hại với tổng giá trị 1.000.000 đồng. Hành vi đó chưa đủ dấu hiệu cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ vụ việc cho Công an xã C xử lý hành chính theo thẩm quyền.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 298; khoản 1, 4 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 05/02/2026. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã C, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92, Điều 93 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái tua vít, dài 30,5 cm; phần cán tua vít làm bằng cao su, màu xanh cam, kích thước (12,5x4)cm; phần thân tua vít làm bằng kim loại, chiều dài 18cm đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung ngân sách 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu vàng đen, số máy 5C62-000783, số khung RLCS5C6206Y000783, biển số 49N-8061, xe đã qua sử dụng, xe không có cánh mang hai bên, kính bảo vệ, bảng điều khiển của xe mô tô bị vỡ.

Vật chứng nêu trên có tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Quảng Trị theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Quảng Trị.

3. Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi cư trú có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- CQĐT Công an tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV4 – Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Mạnh Cường